

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

Bản án số: 60/2023/HS-PT
Ngày: 24-8-2023

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Quang Sơn

Các Thẩm phán: Ông Tôn Văn Thông; Ông Phạm Văn Ngọt

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Thủy Tiên – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Đặng Hữu Tài – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 55/2023/TLPT-HS ngày 21 tháng 7 năm 2023 đối với bị cáo **Trần Thị Ánh N** do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 27/2023/HS-ST ngày 14 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

Bị cáo có kháng cáo:

Trần Thị Ánh N, sinh năm: 1966; tại tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: **ấp H, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre**; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; nghề nghiệp: nội trợ; trình độ văn hóa: 02/12; con ông **Trần Văn N1**, sinh năm: 1938 và bà **Nguyễn Thị X**, sinh năm: 1940; chồng: **Phạm Văn S**, sinh năm: 1964; bị cáo có 05 người con, lớn nhất sinh năm: 1987, nhỏ nhất sinh năm: 1997; tiền án: Tại Bản án số 38/2022/HS-PT ngày 23/3/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xử phạt 01 (một) năm 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ về “Tội đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự; tiền sự: không; nhân thân: Tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 310/QĐ-XPVPHC ngày 09/9/2020 của Chủ tịch **Ủy ban nhân dân T, huyện C, tỉnh Bến Tre** xử phạt số tiền 1.500.000 đồng về hành vi đánh bạc trái phép (đã đóng phạt ngày 27/11/2020); bị cáo tại ngoại, có mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Mặc dù đã bị kết án về tội đánh bạc chưa được xóa án tích nhưng vào khoảng 08 giờ ngày 24/11/2022, **Trần Thị Ánh N** cùng với **Nguyễn Ngọc H, Trương Thị Y, Cao Thị Thùy D**, cùng nơi cư trú: **ấp H, xã T, huyện C, Bến Tre** đến nhà **Lê Thị Thùy**

L, tại ấp T, xã T, huyện C, Bến Tre để tổ chức ăn uống, tại đây N, H, Y, D cùng lấy bài tứ sắc ra chơi đánh bài ăn thua bằng tiền, mỗi ván là 5.000 đồng. Đến khoảng 10 giờ cùng ngày thì bị lực lượng Công an xã T phát hiện lập biên bản vi phạm hành chính.

Vật chứng thu giữ:

- Thu giữ tại chiếu bạc số tiền 560.000 đồng (trong đó N 300.000 đồng, D 90.000 đồng, Y 30.000 đồng, H 70.000 đồng và 70.000 đồng trong hộp bài tứ sắc);
- 05 bộ bài tứ sắc;
- 01 tấm nhựa kích thước 68cm x 70cm;
- 01 chiếc khăn vải kích thước 78cm x 78cm;
- 01 hộp giấy đựng bài tứ sắc màu trắng đỏ, trên hộp có chữ L, P.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 27/2023/HS-ST ngày 14/6/2023 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre đã tuyên bố bị cáo Trần Thị Ánh N phạm tội “Đánh bạc”.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Thị Ánh N 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, biện pháp tư pháp, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 22/6/2023, bị cáo Trần Thị Ánh N kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với nội dung của bản án sơ thẩm.

Quan điểm của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đề nghị: không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Thị Ánh N 06 (sáu) tháng tù về “Tội đánh bạc”.

Bị cáo tranh luận: số tiền bị cáo đánh bạc không lớn, bản thân bị cáo bị bệnh khớp, là lao động chính trong gia đình, chồng bị tai nạn giao thông nên yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo ở nhà để chăm sóc chồng.

Bị cáo nói lời sau cùng: Yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét giảm hình phạt, cho hưởng án treo để bị cáo ở nhà nuôi dưỡng chồng bị tai nạn giao thông.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: đơn kháng cáo của bị cáo gửi đến Tòa án trong thời hạn kháng cáo phù hợp với quy định tại Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự nên được xem là hợp lệ. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng của cấp sơ thẩm. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng của cấp sơ thẩm đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung: tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo **Trần Thị Ánh N** khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với nội dung bản án sơ thẩm đã xác định rằng: Vào lúc 10 giờ ngày 24/11/2022, tại **ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre**, **Trần Thị Ánh N** thực hiện hành vi đánh bạc ăn thua bằng tiền cùng với **Nguyễn Ngọc H, Trương Thị Y, Cao Thị Thùy D**, hình thức chơi đánh bài tứ sắc, thu giữ trên chiếu bạc tổng số tiền 560.000 đồng. Mặc dù tổng số tiền bị cáo **N** và các đối tượng đưa vào đánh bạc dưới 5.000.000 đồng, nhưng bản thân bị cáo **N** đã bị kết án về “Tội đánh bạc” chưa được xóa án tích lại tiếp tục thực hiện hành vi đánh bạc trái phép. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã quy kết bị cáo phạm “Tội đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm cho thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã kết án đối với bị cáo là đúng quy định pháp luật, không oan sai.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo, thấy rằng: Khi áp dụng hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã cân nhắc đến tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo được hưởng theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự để xử phạt bị cáo 06 (sáu) tháng tù là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật. Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm, bị cáo bổ sung tài liệu chứng cứ mới như: đơn thuốc của **Trung tâm Y tế C** chẩn đoán bị cáo bị: *Thoái hóa khớp gối phải; TD; đau khớp gối phải; Viêm đa khớp không đặc hiệu; bệnh trào ngược dạ dày- thực quản không có viêm thực quản*. Tuy nhiên, Tòa cấp sơ thẩm đã xử phạt bị cáo 06 tháng tù là mức thấp nhất của khung hình phạt, mức án mà Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt đối với bị cáo là đã có xem xét chiều cố đáng kể khi quyết định hình phạt, bị cáo chỉ có một tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự nên không đủ điều kiện được áp dụng mức hình phạt được mức thấp nhất của khung hình phạt. Đối với yêu cầu được hưởng án treo thấy rằng bị cáo có nhân xấu đã bị Tòa án kết án về “Tội đánh bạc” đang trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ lại tiếp tục phạm “Tội đánh bạc”. Điều đó cho thấy bị cáo là người khó cải tạo, giáo dục nên cách ly bị cáo ra khỏi cộng đồng xã hội trong khoảng thời gian nhất định để giáo dục riêng và phòng ngừa chung trước thực trạng tội phạm xâm phạm trật tự công cộng đang có chiều hướng gia tăng. Vì vậy, không có cơ sở để giảm nhẹ hình phạt hoặc hưởng án treo theo yêu cầu kháng cáo của bị cáo.

[4] Đối với quan điểm của Kiểm sát viên đã cân nhắc tính chất, mức độ nguy

hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để đề nghị xử phạt bị cáo 06 tháng tù là có căn cứ đúng quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[5] Về án phí hình sự phúc thẩm, theo quy định của pháp luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì bị cáo phải chịu do kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự; không chấp nhận kháng cáo của bị cáo; giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

1. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo **Trần Thị Ánh N** 06 (sáu) tháng tù về “Tội đánh bạc”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

2. Căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Áp dụng Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: án phí hình sự phúc thẩm bị cáo **Trần Thị Ánh N** phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về xử lý vật chứng, án phí không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT I - Tòa án nhân dân tối cao (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Bến Tre (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- Tòa án nhân dân huyện Châu Thành(3b);
- Công an và VKSND huyện Châu Thành(2b);
- Chi cục THADS huyện Châu Thành (1b);
- UBND xã Tân Phú, huyện Châu Thành(1b);
- Bị cáo (1b);
- Phòng KTNV & THA, Tòa Hình sự, Văn phòng TAND tỉnh Bến Tre (5b);
- Lưu hồ sơ vụ án (1b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Quang Sơn